
PHẦN THỨ TƯ

SỰ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT

“TRÀO LƯU CHÍNH HIỆN ĐẠI”

Chương 9:

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI TÂN CỔ ĐIỂN

Khái quát

9.1. Tổng quan

9.2. Trường phái Áo

9.3. Trường phái Anh

9.4. Trường phái Mỹ

9.1. Tổng quan

9.1.1. Hoàn cảnh lịch sử

- Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX
- CNTB: thất nghiệp, khủng hoảng...
- CNTB chuyển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền
- Mâu thuẫn và đấu tranh giai cấp TS-VS tăng lên
- Sự xuất hiện và ảnh hưởng sâu rộng của học thuyết Mác

Các học thuyết KT TS cổ điển không còn giải thích và bảo vệ được cho CNTB.

Nhiều trường phái KTCT TS mới xuất hiện, trong đó “Tân cổ điển” đóng vai trò quan trọng.

9.1. Tổng quan

9.1.2. Đặc điểm

- ❖ Ủng hộ tự do cạnh tranh, chống lại sự can thiệp của nhà nước vào KT.
- ❖ Ủng hộ lý thuyết giá trị-chủ quan.
- ❖ Đối tượng: phân tích trao đổi, lưu thông, cung – cầu. Nghiên cứu các đơn vị KT riêng biệt để rút ra những kết luận chung cho toàn XH.

9.1. Tổng quan

9.1.2. Đặc điểm

- ❖ Phương pháp: Phân tích vi mô, áp dụng toán học phân tích kinh tế. Còn mang tên là trường phái “giới hạn”
- ❖ Muốn biến KTCT thành khoa học KT thuần túy.
- ❖ Phát triển ở nhiều nước: Áo, Anh, Mỹ, Thụy Sĩ...

9.2. Trường phái Áo (Thành Viene)

* Lý thuyết “ích lợi giới hạn”:

- ❑ Ích lợi là đặc tính cụ thể của vật, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
- ❑ Có ích lợi khách quan và ích lợi chủ quan, ích lợi trừu tượng và ích lợi cụ thể.
- ❑ Ích lợi có xu hướng giảm dần. Tồn tại “vật phẩm giới hạn” và “ích lợi giới hạn” quyết định lợi ích chung của tất cả các vật khác.
- ❑ Số lượng SP càng ít thì “ích lợi giới hạn” càng lớn.
- ❑ Khi lượng SP tăng → tổng lợi ích tăng → ích lợi giới hạn giảm (tiệm cận 0, chỉ còn lợi ích trừu tượng)

9.2. Trường phái Áo (Thành Viene)

* Lý thuyết “giá trị giới hạn”

Xây dựng trên cơ sở lý thuyết “ích lợi giới hạn”, phủ nhận lý thuyết giá trị - lao động.

- “Ích lợi quyết định giá trị”, “ích lợi giới hạn” là ích lợi của sản phẩm cuối cùng, quyết định giá trị của sản phẩm.
- “Giá trị giới hạn là giá trị của sản phẩm giới hạn”, quyết định giá trị của tất cả các sản phẩm khác. Muốn có nhiều giá trị phải tạo ra sự khan hiếm.

9.2. Trường phái Áo (Thành Viene)

Các đại biểu điển hình

9.2.1. Carl Menger (1840 – 1921)

9.2.2. Fridrich Von Wiser (1851 – 1926)

9.2.3. Eugen Bohm Bawerk (1851 – 1941)

9.3. Trường phái Anh



Đại biểu:

- **Alfred Marshall**
- (1842-1924),
- Giáo sư trường Đại học Cambridge (trường phái Cambridge)

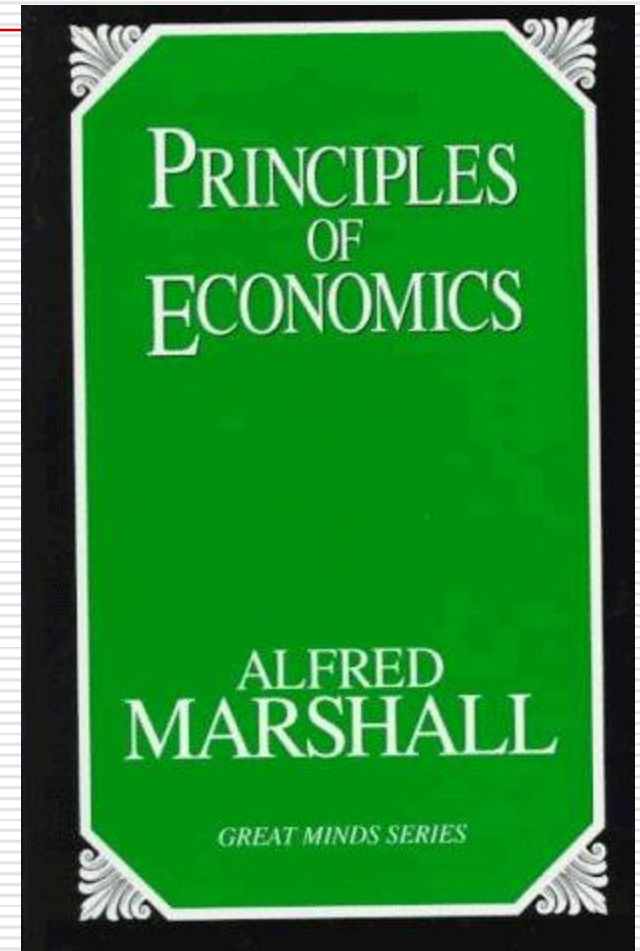
9.3. Trường phái Anh

Alfred Marshall

Tổng hợp, kế thừa các lý thuyết đã có (lý thuyết chi phí sản xuất, cung cầu, năng suất bất tương xứng) với lý thuyết mới cuối thế kỷ XIX (ích lợi giới hạn, năng suất giới hạn...).

KT học là một bộ phận của sinh học, hình thức của phát triển là tiến hóa; sự phát triển của CNTB sẽ tạo điều kiện vật chất để cải thiện đời sống công nhân, không cần đấu tranh giai cấp.

Tác phẩm nổi tiếng: "Những nguyên lý của KTCT học" (1890)



9.3. Trường phái Anh

9.3.1. Về đối tượng, phương pháp của KTCT học

- KTCT học hay KT học xem xét bộ phận của đời sống xã hội và cá nhân, có quan hệ với việc giành và sử dụng các vật chất cần thiết cho đời sống hạnh phúc.
- Bản chất: KT học là một khoa học về đời sống, gần gũi với sinh học hơn là cơ khí học.
- Vừa là khoa học thuần túy, vừa là khoa học ứng dụng.
- Phương pháp: diễn dịch, qui nạp, trừu tượng hóa, sự kiện gắn với lý thuyết.
- Sử dụng thuật ngữ "KT học" thay cho "KT CT học"

9.3. Trường phái Anh

9.3.2. Lý thuyết về của cải và nhu cầu:

- Của cải: vật thỏa mãn nhu cầu một cách trực tiếp hay gián tiếp; dạng vật chất hay phi vật chất; do người khác hoặc do mình tạo ra; có thể được chuyển dịch, cho không hoặc qua trao đổi.
- Của cải của một dân tộc được hình thành từ những của cải cá nhân và của cải tập thể.
- Nhu cầu về của cải là có giới hạn.
- Tính ích lợi của sản phẩm giảm cùng với số lượng có sẵn để thỏa mãn nhu cầu.

9.3. Trường phái Anh

9.3.3. Lý thuyết về sản xuất và các yếu tố của sản xuất

- Sản xuất là việc chế tạo ra các ích lợi. Tiêu dùng là sự sản xuất tiêu cực về ích lợi.
- Sự tăng lên của sản xuất dẫn đến tiết kiệm. Những khoản tiết kiệm bên ngoài sinh ra từ sự phát triển công nghiệp, là kết quả của tích tụ. Những khoản tiết kiệm bên trong sinh ra từ bản thân việc tiết kiệm các yếu tố sản xuất.
- Tiết kiệm là do ý muốn “đảm bảo an toàn” và do “sự trìu mến” đối với tiền tệ, là kết quả sự hy sinh tiêu dùng hiện tại

9.3. Trường phái Anh

9.3.3. Lý thuyết về sản xuất và các yếu tố của sản xuất

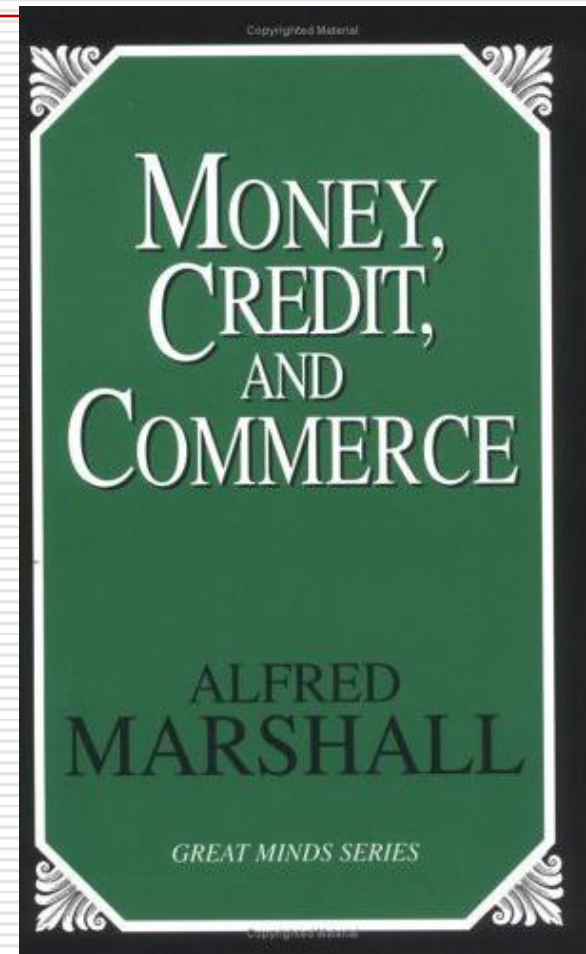
- Các yếu tố sản xuất:
- + Đất đai: yếu tố thứ nhất của SX, vận động theo qui luật hiệu suất giảm dần
- + Lao động: yếu tố thứ hai của SX, vận động cũng tuân theo ích lợi giới hạn.
- + Tư bản: nhân tố thứ ba của SX: là bộ phận của cải mà cá nhân tiết kiệm từ số thu nhập, bao gồm của cải mang lại thu nhập, kiến thức, trình độ tổ chức quản lý.

9.3. Trường phái Anh

9.3.4. Lý thuyết giá cả:

(Tổng hợp các lý thuyết chi phí sản xuất, cung cầu, "ích lợi giới hạn")

- Giá cả: quan hệ số lượng trong đó H và T được trao đổi với nhau.
- Thị trường: tổng thể những người có quan hệ mua bán, nơi gặp gỡ cung, cầu.



9.3. Trường phái Anh

□ Giá cung và giá cầu:

- + Giá cung: người SX có thể tiếp tục SX ở mức đương thời, được quyết định bởi chi phí SX.
- + Giá cầu: người mua có thể mua số lượng hàng hóa hiện tại, được quyết định bởi ích lợi giới hạn
- + Khi giá cung gặp giá cầu thì hình thành giá cả cân bằng hay giá cả thị trường
- Thời gian ảnh hưởng quan trọng đến cung, cầu và giá cả cân bằng
- Độc quyền cũng tác động đến giá cả (giảm sản lượng để nâng giá bán)

9.3. Trường phái Anh

9.3.4. Lý thuyết giá cả:

- Đưa ra khái niệm “co giãn của cầu”, chỉ sự phụ thuộc của cầu vào mức giá cả.

$$K = \Delta Q/Q : \Delta P/P$$

$K > 1$: Cầu co giãn; $K < 1$: Cầu không co giãn; $K = 1$: Cầu co giãn bằng đơn vị

Sự co giãn của cầu phụ thuộc: mức giá, giá cả hàng hóa có liên quan, sức mua của dân cư và nhu cầu mua sắm của dân cư.

Lý thuyết giá cả của Marshall là cơ sở lý luận của kinh tế học vi mô hiện đại trong phân tích thị trường, cung cầu và giá cả.

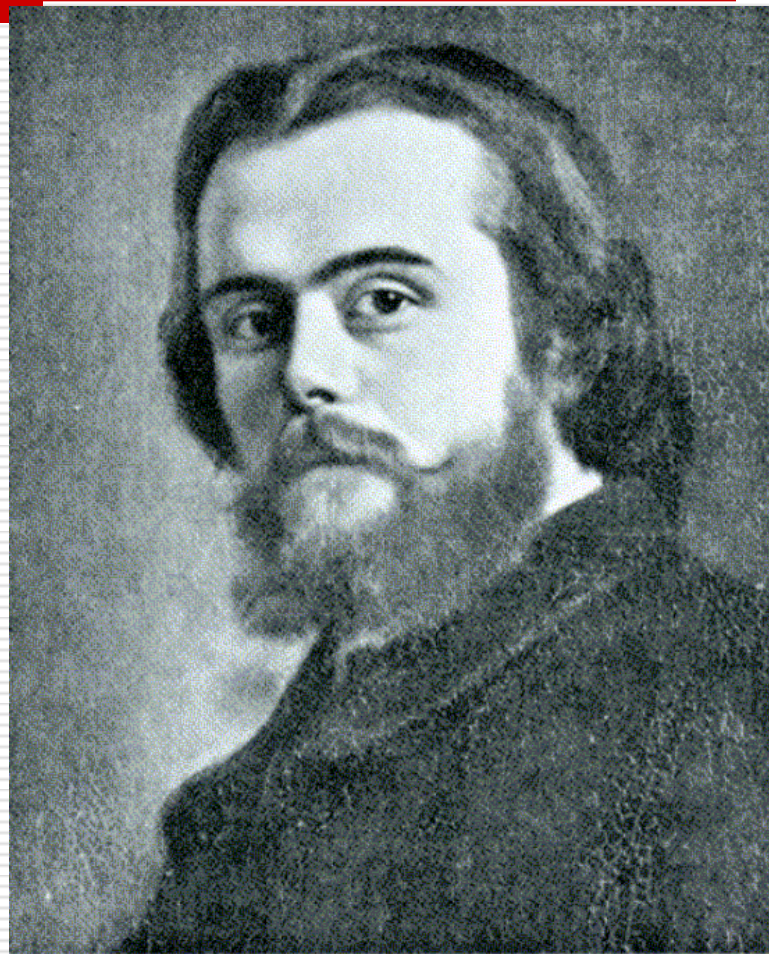
9.4. Trường phái Thụy Sĩ (Lausanne)

9.4.1. Leon Walras (1834 – 1910)

Nhà KT học Pháp

Tác phẩm tiêu biểu:

- “Nguyên lý KTCT học thuần túy, lý thuyết về nguồn của cải xã hội”;
- “Nghiên cứu kinh tế học xã hội, lý thuyết về phân phối của cải”;
- “Nghiên cứu lý thuyết KTCT học ứng dụng, lý thuyết về sản xuất của cải”



9.4. Trường phái Thụy Sĩ (Lausanne)

□ Lý thuyết “cân bằng thị trường”

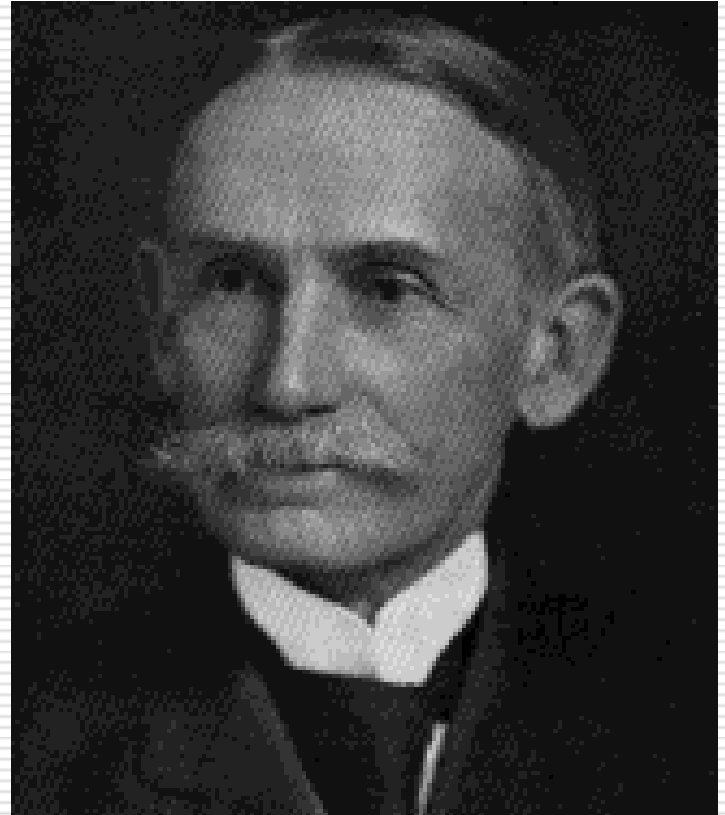
- Giá cả = chi phí SX thì cung HH = cầu HH, giá HH ổn định, lãi suất và tiền lương ổn định. Cả 3 thị trường đều cân bằng cung - cầu → nền KT cũng trong trạng thái cân bằng.
- Trong kinh tế thị trường, trạng thái cân bằng giữa giá cả hàng hóa và chi phí sản xuất được thực hiện qua sự dao động của cung và cầu

9.5. Trường phái Mỹ

9.5.1. *John Bates
Clark*

(1847 – 1938)

GS đại học Columbia



9.5. Trường phái Mỹ

9.5.1. John Bates Clark (1847 – 1938)

* Lý thuyết “năng suất giới hạn”:

- Kế thừa lý thuyết “ba nhân tố sản xuất” - Say, lý thuyết “năng suất bất tương xứng” - Ricardo, lý thuyết ích lợi giới hạn - trường phái Viene.
- Ích lợi của lao động thể hiện ở năng suất. Năng suất LĐ có xu hướng giảm sút, người công nhân được thuê sau cùng là người “công nhân giới hạn”, năng suất của họ là “năng suất giới hạn”, nó quyết định năng suất của tất cả các công nhân khác.

9.5. Trường phái Mỹ

9.5.1. John Bates Clark (1847 – 1938)

* Lý thuyết phân phối:

- Lý luận “năng lực chịu trách nhiệm”: thu nhập là “năng lực chịu trách nhiệm” của các nhân tố SX. Công nhân có LĐ, nhà TB có TB, đều nhận được SP giới hạn tương ứng.
- Tiền lương công nhân = “SP giới hạn” của LĐ, phần còn lại là “thặng dư của người tiêu dùng LĐ”, vì vậy không còn bóc lột
- Phân phối địa tô và lợi tức cũng áp dụng nguyên tắc này.

Thảo luận

Ý nghĩa lý luận
và thực tiễn
của trường
phái Tân cổ
điển?

